

# Bản tin chứng khoán

## Trong số này

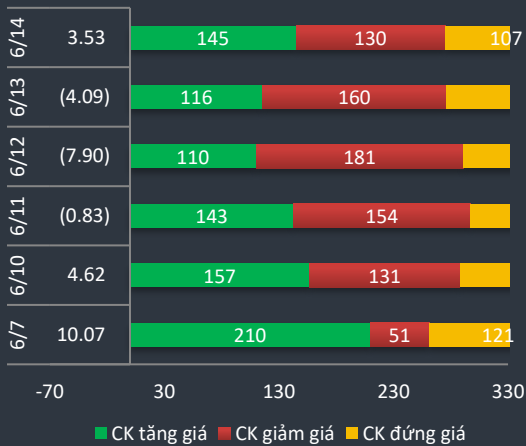
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.3**

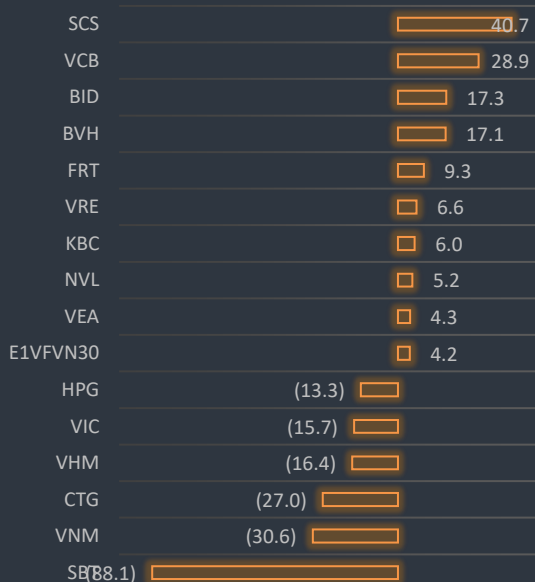
Tin Doanh nghiệp **P.4**

Bộ lọc CP **P.5**

### Độ rộng thị trường



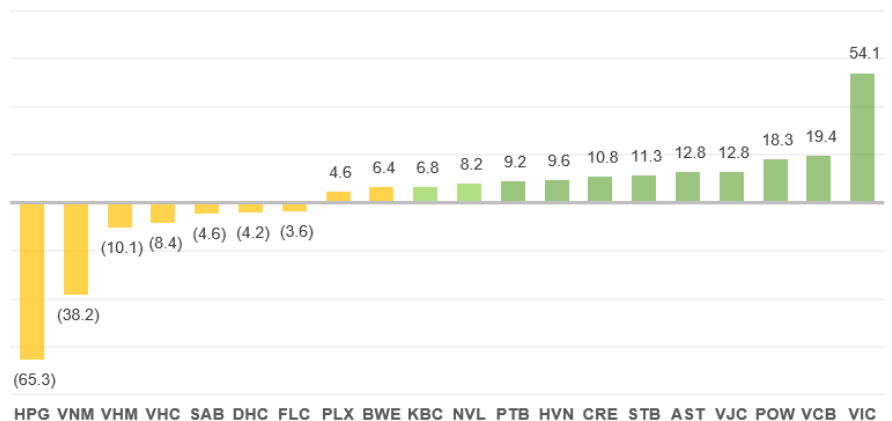
### Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Phiên cuối tuần đã lấy lại được 3.5 điểm chấm dứt chuỗi mất điểm 3 phiên liên tiếp. Giao dịch chung có phần cải thiện với 115 triệu cổ phiếu khớp lệnh trên sàn HOSE. Nhóm cổ phiếu ngân hàng dẫn đầu với VCB, BID, VPB đang trở lại và thu hút dòng tiền đáng kể mua vào. MBB, TCB, CTG dù không tăng điểm nhưng thanh khoản cũng có sự cải thiện đáng kể. Một số nguyên nhân ảnh hưởng đến giá cổ phiếu ngân hàng mà đầu tiên chính là hoạt động bán vốn của một số ngân hàng đang có những chuyển biến tích cực hơn. Một số ngân hàng chưa tìm được đối tác chiến lược có thể tăng vốn theo hình thức bán vốn cho đối tác tài chính hay phát hành trái phiếu quốc tế như VPB. Các ngân hàng đang nỗ lực xử lý nợ xấu trong năm nay và dự kiến trong quý 2 một số ngân hàng lớn sẽ xử lý nhiều khoản nợ xấu lớn tồn tại nhiều năm như STB, BID

Trong tuần tới thị trường sẽ sôi động hơn với hoạt động giao dịch chứng quyền. Sản phẩm chứng quyền có ưu điểm thị giá rất nhỏ và lượng phát hành lần đầu chỉ ở dạng thử nghiệm vì vậy không loại trừ yếu tố làm giá.

Khối ngoại trong ngày bán ròng gần 77 tỷ đồng trong đó chủ yếu là bán ròng từ giao dịch thỏa thuận ở một số cổ phiếu như CTG, SBT. Tính chung cả tuần khối ngoại mua ròng gần 200 tỷ với VIC nhiều nhất khoảng 54.1 tỷ, bên cạnh VCB, POW, VJC, AST. Phía bán ròng nhiều nhất là HPG khoảng 65 tỷ, VNM (-38.2 tỷ), VHM (-10 tỷ), VHC (-8.4 tỷ).



# Vnindex 953.61

▲ +3.53 (+0.37%)

## Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
VCB	69.2	1,900	2.82
KDH	24.5	650	2.73
VPB	18.6	400	2.20
BID	32.2	650	2.06
ROS	30.7	600	1.99
HVN	42.8	600	1.42
CTG	20.3	150	0.74
NVL	59.4	400	0.68
VRE	34.9	200	0.58
MBB	20.7	100	0.49
GAS	102.0	500	0.49
STB	11.7	50	0.43
VNM	123.7	500	0.41
TCB	21.2	50	0.24
VJC	121.7	100	0.08
HNG	15.3	-	-
SSI	24.8	-	-
BVH	80.0	-	-
VIC	115.5	-	-
HDB	26.6	-	-
POW	15.6	-	-
VHM	79.9	(100)	(0.13)
PLX	61.4	(100)	(0.16)
HPG	23.0	(50)	(0.22)
EIB	18.2	(50)	(0.27)
FPT	44.4	(150)	(0.34)
MWG	89.1	(300)	(0.34)
SAB	273.0	(1,000)	(0.36)
MSN	84.2	(300)	(0.36)
PNJ	74.2	(500)	(0.67)
BHN	100.0	(1,000)	(0.99)
TPB	24.9	(500)	(1.97)
DHG	106.6	(2,600)	(2.38)



Độ rộng thị trường qua từng phiên đang có sự co giãn theo hướng mở rộng dần số cổ phiếu tăng giá. Mọi sự kỳ vọng thị trường tăng trưởng sẽ phụ thuộc vào nhóm cổ phiếu blue chip có đủ sức tạo động lực hay không và đầu tiên chính là nhóm cổ phiếu ngân hàng. Các nhóm ngành còn lại như dầu khí sẽ ít được quan tâm hơn do giá dầu thế giới đang có sự điều chỉnh. Dù trong vài phiên vừa qua nhóm dầu khí hồi phục theo xu hướng chung của thị trường nhưng còn chưa chắc chắn. Căng thẳng thương mại Mỹ-Trung là một trong những nhân tố chủ đạo chi phối thị trường dầu lúc này, bên cạnh việc các nước sản xuất dầu chủ chốt là Saudi Arabia và Nga chưa nhất trí về việc gia hạn thỏa thuận cắt giảm sản lượng. Các nhà đầu tư quan ngại về tình trạng kinh tế thế giới giảm tốc sẽ tác động tiêu cực tới nhu cầu dầu thô.

Thị trường cần các nhịp sóng vượt lên các vùng cản cao hơn từ 970 trở lên để xác nhận một xu hướng đảo chiều trung hạn. Một số cổ phiếu ngược dòng thị trường duy trì tăng trưởng có thể nắm giữ giao dịch ngắn hạn như VEA, TV2, STK, FPT, MWG, PHR, VCB, VRE, VIC, PNJ ....

### Danh mục quan tâm:

Ticker	Close	% so với tuần trước	Xu hướng	Hỗ trợ	Kháng Cự	Vùng mua	Close / Support
BID	32.2	1.6%	Đi ngang	31	34	30-32	3.9%
CTG	20.3	-1.0%	Đi ngang	20.5	22.1	20-21	-1.0%
FPT	44.4	-1.8%	Tăng	44	47	42-44	0.9%
MBB	20.7	1.0%	Đi ngang	20	22.3	20-21	3.5%
MWG	89.1	0.9%	Đi ngang	83.5	90	82-84	6.7%
PHR	56.0	-3.4%	Tăng	52	70	58-60	7.7%
PNJ	74.2	-5.8%	Tăng	74	112	98 - 100	0.3%
STK	24.0	-2.8%	Tăng	22	28	20-22	9.1%
TIP	25.7	-10.1%	Tăng	25	30	20-21	2.8%
VCB	69.2	5.5%	Tăng	65.5	68.5	65-66	5.6%
VRE	34.9	0.3%	Tăng	35	38	34-35	-0.3%



## Bộ lọc cổ phiếu giao dịch tăng đột biến:

Ticker	Giá	KLGD 5 phiên gần nhất	KLGD tăng so với TB
EIB	18.3	1,044,954	267%
GVR	13.9	1,858,527	243%
TDM	31.6	415,760	167%
SPP	3.5	179,006	152%
LGL	10.8	345,544	117%
VEA	56.8	650,422	112%
HSL	9.3	425,448	93%
TDH	12.8	776,528	86%
DPR	45	198,150	85%
TCH	21	1,130,044	72%
NVB	8.1	740,660	70%
MWG	89.4	828,864	64%
BWE	26.4	388,590	60%
DTD	14.7	196,412	59%
DPG	38.1	123,542	56%
LMH	16.6	578,468	55%
DPM	17.4	464,084	53%
TPB	25.4	1,462,844	47%
SAM	7.8	148,590	45%
VLB	32.9	1,880	39%
HPG	23	4,346,692	38%
NLG	29.5	1,197,864	36%
D2D	129.8	92,930	34%
DAG	6.5	173,282	34%
CRE	24.8	413,604	32%
KSB	22.1	389,074	32%
PTB	68	222,042	29%
MPT	3.1	799,768	28%

### MBB 20.7 (+0.5%)



Hỗ trợ mạnh: 18 - 19

Vùng mua: 20 - 20.5

Cắt lỗ: dưới 18

Xu hướng vẫn đang giảm trong trung hạn khi đường giá đang tịnh tiến dần về phía dưới. Trong ngắn hạn giá MBB đang trụ vững quanh 20 và lực cầu tăng dần. Nhà đầu tư nắm giữ với mục tiêu quanh 23 - 24.

### BID 32.2 (2.2%)



Hỗ trợ mạnh: 28 - 30

Vùng mua: 30 - 31

Cắt lỗ: dưới 28

Giá BID đã giảm mạnh gần sát vùng đáy 6 tháng gần nhất. Sau khi về sát 31, giá BID đã có phản ứng tốt và phục hồi trở lại vùng giá 32. Nhà đầu tư tiếp tục nắm giữ CP, lưu ý vùng kháng cự 34 - 35 là kháng cự mạnh CP này.

### FPT 44.4 (-0.4%)



Hỗ trợ mạnh: 43

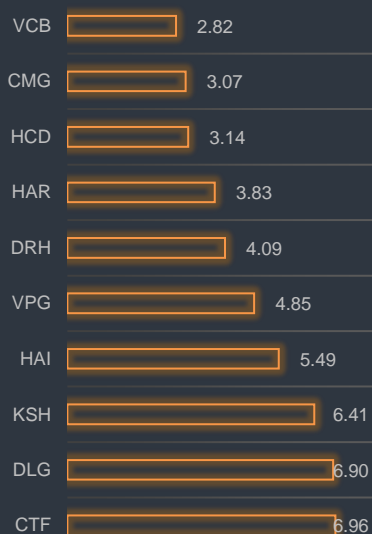
Vùng mua: 43 - 44

Cắt lỗ: 41

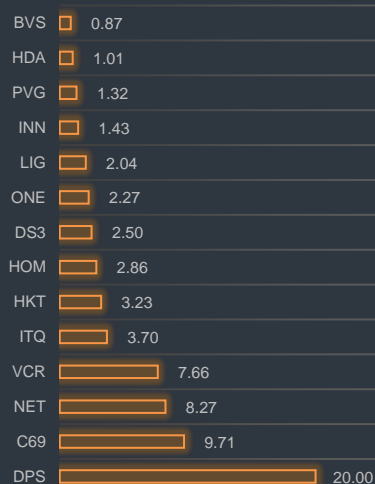
Xu hướng tăng trung hạn. Giá CP điều chỉnh ngắn hạn gần về ngưỡng hỗ trợ mạnh 43.5. Nhà đầu tư ngắn hạn có thể tích lũy quanh vùng giá này. Mục tiêu giá từ 49 - 50.

# HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

## Top tăng giá HOSE



## Top tăng giá HNX



**NTC** - CTCP Khu công nghiệp Nam Tân Uyên – Năm 2019 kế hoạch tổng doanh thu đạt 303,5 tỷ đồng, giảm 55% so với năm 2018, trong đó, doanh thu từ hoạt động kinh doanh giảm đến 68% và đạt hơn 134 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế ước đạt chỉ 130 tỷ đồng, giảm mạnh 72% so với năm trước. Mức cổ tức dự kiến cho năm 2019 là 50%, giảm đáng kể so với mức 200% của năm 2018.

**VOC** - Tổng công ty Công nghiệp dầu thực vật Việt Nam – Năm 2019, VOC đặt kế hoạch doanh thu thuần 4.000 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 290 tỷ đồng, tăng 12% so thực hiện năm 2018. Cổ tức trả bằng tiền mặt dự kiến tỷ lệ 12%. Công ty cho rằng năm 2020 sẽ thuận lợi cho việc VOC chuyển sang niêm yết trên HOSE. Trong năm, VOC cũng chưa có kế hoạch huy động thêm vốn.

**DXG** - CTCP Tập đoàn Đất Xanh - Dự kiến phát hành 200 tỷ đồng trái phiếu riêng lẻ không chuyển đổi với kỳ hạn 2 năm, mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu. Trái phiếu có tài sản đảm bảo bằng cổ phiếu CTCP Đất Xanh Miền Trung, được kiểm toán Báo cáo tài chính 2018 bởi E&Y. Việc phát hành dự kiến thực hiện trong tháng 6.

**DCI** - CTCP Công nghiệp Hóa chất Đà Nẵng - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Vinachem) sẽ thoái toàn bộ 900.411 cổ phần, tương ứng 37,32% vốn tại DCI. Giá khởi điểm 113.700 đồng/CP, gấp 38 lần thị giá hiện nay, chỉ 2.800 đồng/CP của DCI. Cuộc đấu giá sẽ diễn ra chiều ngày 10.7.2019 trên HNX.

**CCL** - CTCP Đầu tư và Phát triển đô thị Dầu khí Cửu Long - Ngày 27/6 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2017, ngày đăng ký cuối cùng là 28/6. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 2%, thanh toán bắt đầu từ ngày 24/7/2019.

**VTJ** - CTCP Thương mại và Đầu tư Vinataba - Ngày 11/6, HĐQT đã có nghị quyết quyết định chuyển toàn bộ 2.853.255 cổ phiếu sở hữu tại Công ty cổ phần Thiết bị phụ tùng Sài Gòn (SMA), tương ứng tỷ lệ 15%.

**CIA** - CTCP Dịch vụ sân bay quốc tế Cam Ranh - Ngày 18/6 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt 1 năm 2018, ngày đăng ký cuối cùng là 19/6. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 20%, thanh toán bắt đầu từ ngày 28/6/2019.

**SMA** - Công ty cổ phần Thiết bị phụ tùng Sài Gòn - Công ty cổ phần Thương mại và Đầu tư Vinataba (VTJ) đã có nghị quyết quyết định chuyển toàn bộ 2.853.255 cổ phiếu sở hữu tại SMA, tương ứng tỷ lệ 15%. Đây là lượng cổ phiếu SMA mà VTJ mới mua vào trong ngày 12/4/2019 với giá 15.550 đồng/cổ phiếu, tương đương tổng giá trị hơn 44,22 tỷ đồng.



## Nhóm VN30

VN30	Giá	%	TB KLGD 5 phiên gần nhất	NN Mua	NN Bán	EPS	PE	P/Bv	Giá thấp nhất 6T	Giá cao nhất 6T	RSI
CII	22.9	0.22	161,904	-	27,130	225	101.9	1.1	22.6	26.5	45
CTD	102.3	-1.92	15,830	280	2,510	18,125	5.6	1.0	102.3	161.5	19.4
CTG	20.3	0.74	655,818	416,700	1,733,000	1,483	13.7	1.1	17.9	23.4	42.6
DHG	106.6	-2.38	149,457	3,050	480	4,726	22.6	4.6	72.3	120	27.5
DPM	17.2	-1.15	283,886	60,040	57,560	1,460	11.8	0.9	16.6	22.2	44.4
EIB	18.2	-0.27	723,546	-	-	404	45.1	1.5	13.8	18.7	52
FPT	44.4	-0.34	625,290	-	-	4,043	11.0	2.3	36.3	45.9	50.7
GAS	102	0.49	222,210	48,100	13,300	6,543	15.6	4.4	81.4	114	41.9
GMD	26	-0.19	182,404	-	-	2,323	11.2	1.3	25.1	28.6	43.9
HDB	26.6	0	14,604	66,500	563,650	2,939	9.0	1.6	26.1	31.9	40.9
HPG	23	-0.22	371,140	1,193,820	1,770,990	2,956	7.8	1.5	21	27.2	32.8
MBB	20.7	0.49	185,082	-	-	3,029	6.8	1.3	18	22.4	43.6
MSN	84.2	-0.36	80,074	124,710	87,490	4,485	18.8	3.2	76.2	91.3	39.7
MWG	89.1	-0.34	89,390	-	-	7,177	12.4	3.9	80	90.7	60.5
NVL	59.4	0.68	520,670	88,320	820	3,722	16.0	2.8	55.5	67	51.4
PNJ	74.2	-0.67	332,369	-	-	4,797	15.5	4.1	66.6	82	39.7
REE	31.9	-0.62	313,412	-	-	5,617	5.7	1.1	28.3	34.7	45.2
ROS	30.7	1.99	17,776	121,950	20,300	327	93.8	3.0	29.8	42	49.4
SAB	273	-0.36	34,952	151,690	146,900	6,678	40.9	10.8	231	281.8	61.5
SBT	17.2	0.29	275,096	109,190	5,000,000	850	20.2	1.5	16.7	21.1	37.8
SSI	24.8	0	536,756	107,420	54,800	1,901	13.0	1.4	24.6	29.5	40
STB	11.7	0.43	885,601	85,300	-	1,241	9.4	0.8	11.1	13.1	45.2
TCB	21.2	0.24	115,920	20,000	20,000	2,434	8.7	1.4	21.2	28.6	28.2
VCB	69.2	2.82	63,214	1,007,960	589,360	4,372	15.8	3.5	52.7	69.8	62.8
VHM	79.9	-0.13	143,686	90,600	296,860	3,842	20.8	5.8	72	96.7	30.3
VIC	115.5	0	125,208	127,470	264,150	1,049	110.1	5.5	95.3	121.3	50.7
VJC	121.7	0.08	95,480	6,010	20,880	9,812	12.4	4.3	109.5	126.9	54.6
VNM	123.7	0.41	1,599,914	1,114,660	1,362,770	5,924	20.9	7.6	118.6	149.8	35.3
VPB	18.6	2.2	206,701	-	-	2,718	6.8	1.3	17.9	22.5	52.5
VRE	34.9	0.58	515,802	454,970	264,370	1,064	32.8	2.8	26.7	36.9	51.7

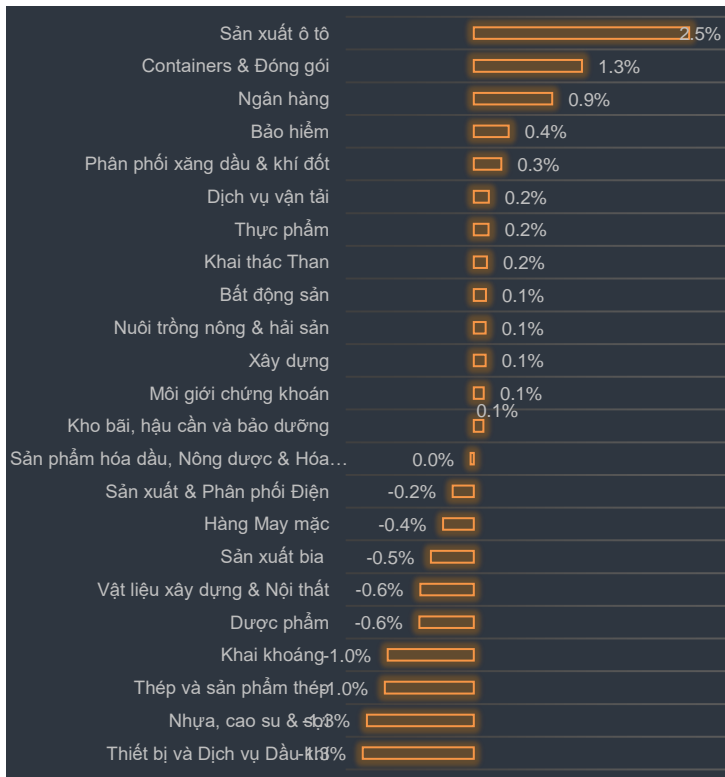
## Giao dịch khối ngoại CP Ngân Hàng trong ngày

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL Mua	KL Bán	Room NN (còn lại)	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VCB	HOSE	69.2	189,977	15.8	3.5	1,007,960	589,360	231,867,717	256,654	23.75	4,372	19,661
CTG	HOSE	20.3	73,411	13.7	1.1	416,700	1,733,000	497,750	75,585	29.99	1,483	18,751
BID	HOSE	32.2	52,590	15.0	2.1	556,330	17,580	920,168,601	110,083	3.08	2,150	15,666
MBB	HOSE	20.7	31,670	6.8	1.3	-	-	3	43,747	20.00	3,029	16,338
TCB	HOSE	21.2	100,004	8.7	1.4	20,000	20,000	6	74,128	22.51	2,434	15,385
VPB	HOSE	18.6	59,532	6.8	1.3	-	-	-	45,696	22.72	2,718	14,727
STB	HOSE	11.7	13,251	9.4	0.8	85,300	-	175,536,261	21,103	14.32	1,241	14,125
EIB	HOSE	18.2	50,259	45.1	1.5	-	-	1,822,732	22,376	29.85	404	12,393
HDB	HOSE	26.6	47,298	9.0	1.6	66,500	563,650	50,864,585	26,095	24.82	2,939	16,759
TPB	HOSE	24.9	369,697	10.6	1.9	-	-	4	21,179	30.00	2,343	13,335
SHB	HNX	7	151,095	4.8	0.5	31,500	-	243,398,394	8,422	15.97	1,457	14,185
ACB	HNX	28.7	32,558	7.4	1.6	-	-	-	35,794	30.00	3,877	17,947
NVB	HNX	8.1	1,623	68.7	0.8	-	-	90,214,190	3,906	0.05	118	10,553
LPB	UPCOM	7.9	4,457	6.9	0.6	200	8,000	8,330,884	7,016	4.06	1,145	13,081
BAB	UPCOM	20.5	109	15.9	1.5	-	-	165,000,000	11,275	-	1,287	13,233
VIB	UPCOM	16.7	4,912	5.2	1.1	-	-	-	12,681	20.50	3,232	14,821
KLB	UPCOM	9.7	10	13.1	0.8	-	-	97,108,738	3,103	-	741	11,914
			<b>1,182,453</b>	<b>15.48</b>	<b>1.37</b>	<b>2,184,490</b>	<b>2,931,590</b>	<b>1,984,809,865</b>	<b>778,841</b>		<b>2,057</b>	<b>14,875</b>

## Tổng hợp kết quả kinh doanh Q1.2019

(tỷ VND)	Doanh Thu Q1.2018	Lợi Nhuận Q1.2018	Doanh thu Q1.2019	% Doanh thu	Lợi nhuận Q1.2019	% Lợi Nhuận
Bán lẻ	36,100	1,006	38,642	7.0%	1,214	20.7%
Bảo hiểm		920			936	1.7%
Bất động sản	64,033	8,405	57,196	-10.7%	8,196	-2.5%
Công nghệ Thông tin	8,091	587	7,818	-3.4%	685	16.7%
Dầu khí	64,807	1,108	87,698	35.3%	2,115	90.9%
Dịch vụ tài chính	6,044	2,026	3,942	-34.8%	1,104	-45.5%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	63,504	5,989	65,451	3.1%	6,379	6.5%
Du lịch và Giải trí	43,495	2,872	45,408	4.4%	3,044	6.0%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	45,816	5,344	45,061	-1.6%	5,364	0.4%
Hàng cá nhân & Gia dụng	27,203	1,259	27,007	-0.7%	1,317	4.6%
Hóa chất	20,253	1,871	24,831	22.6%	1,276	-31.8%
Ngân hàng		18,327			20,532	12.0%
Ô tô và phụ tùng	7,855	169	9,392	19.6%	157	-7.1%
Tài nguyên Cơ bản	66,358	4,087	71,478	7.7%	2,096	-48.7%
Thực phẩm và đồ uống	70,920	7,202	71,898	1.4%	7,927	10.1%
Truyền thông	1,284	128	1,176	-8.4%	118	-7.8%
Viễn thông	6,230	122	6,559	5.3%	378	209.8%
Xây dựng và Vật liệu	52,892	2,228	55,356	4.7%	2,353	5.6%
Y tế	10,875	631	11,416	5.0%	614	-2.7%
<b>Sum</b>	<b>595,760</b>	<b>64,281</b>	<b>630,329</b>	<b>5.8%</b>	<b>65,805</b>	<b>2.4%</b>

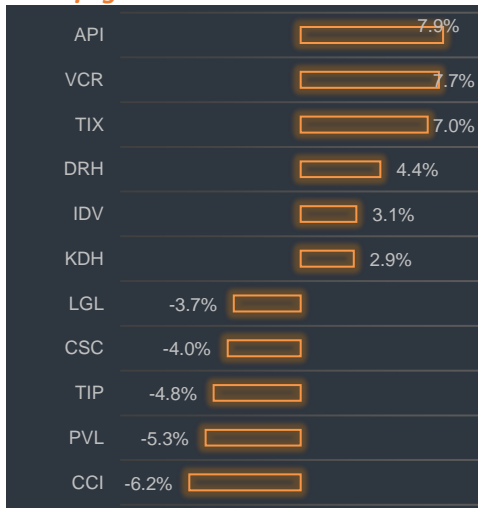
# Tăng giảm ngành trong ngày



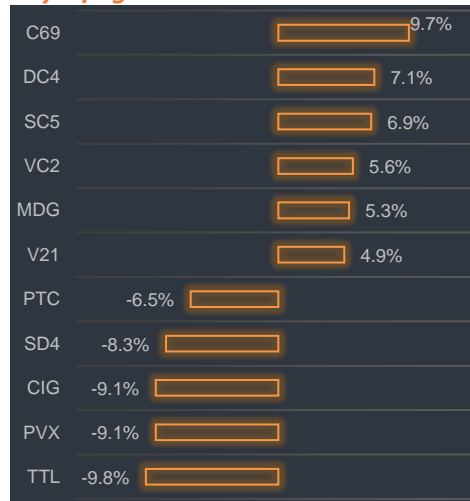
## Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

<b>Bất động sản:</b>	API, VCR, TIX
<b>Xây dựng:</b>	C69, DC4, SC5
<b>Dầu khí:</b>	PGD, PVG, GAS
<b>Chứng khoán:</b>	HBS, WSS, SBS
<b>Ngân hàng:</b>	VCB, BID, VPB

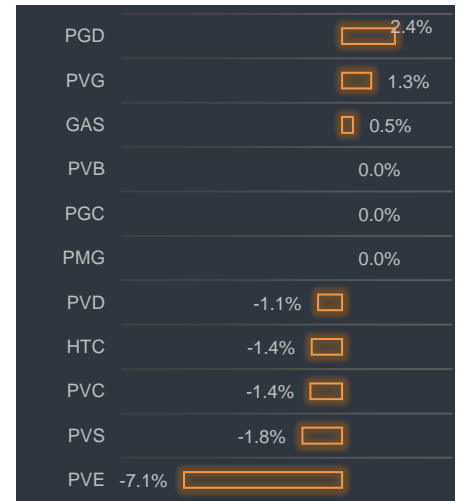
### Bất động sản



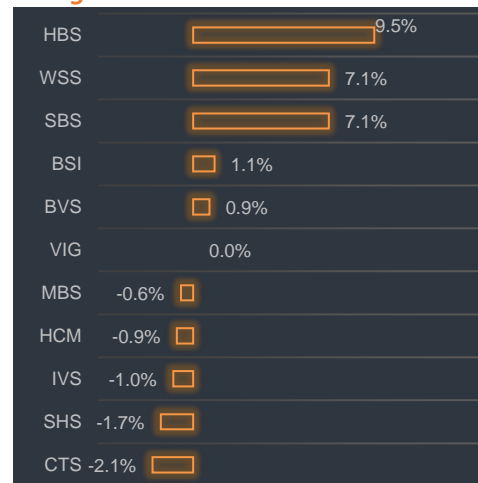
### Xây dựng



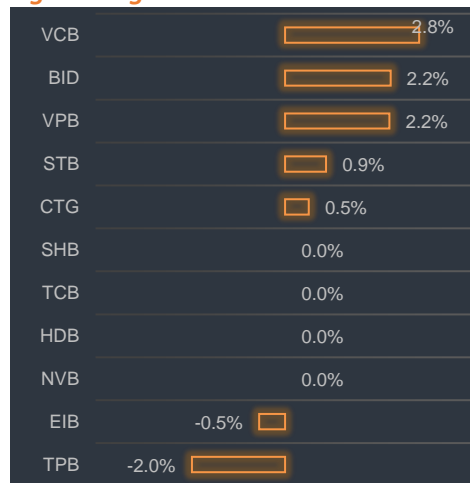
### Dầu khí



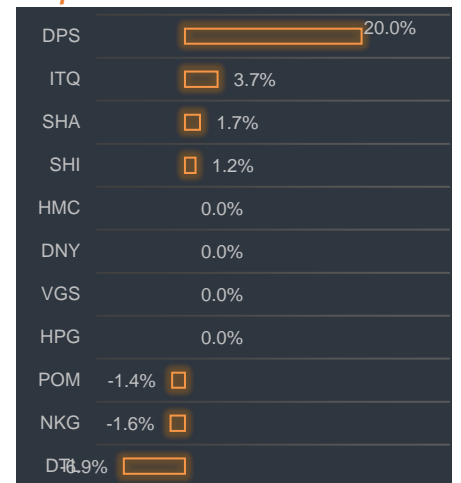
### Chứng khoán



### Ngân hàng



### Thép





## BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh

Tel: 0983.999.350

khanhnh@vise.com.vn

## Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng như các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

**VISecurities**  
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

### Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: +(84 4) 3 944 5888, Fax: +(84 4) 3 944 5889

<https://www.vise.com.vn>

### Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Số 9 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: + (84 8) 3915 2930

Fax: + (84 8) 3915 2931